TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số:51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2024
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Hoàng Văn Diễm
2. Ông Nguyễn Công Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Giáp Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1990 – Có mặt.
- ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988 – Có mặt

Đều nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị X trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/11/2011 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị X về nhà anh H chung sống ngay. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đến khi đẻ con thứ hai năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi, đánh nhau do mâu thuẫn về làm kinh tế, anh X thường xuyên say rượu về nhà chửi bới, có vài lần đánh chị, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần nhưng được hai bên gia đình hòa giải vợ chồng về chung sống tiếp. Đến tháng 02/2024 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02/2024 đến nay. Gia đình có hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Chị X, anh H có 02 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015. Ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh T, để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K.

Về cấp dưỡng nuôi con chị X và anh H không phải cấp dưỡng cho nhau.

- Về tài sản chung; các nghĩa vụ chung về tài sản: Chị X không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phạm Văn H có lời khai tại biên bản tự khai, trong phiên hòa giải và tại phiên tòa trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/11/2011 tại UBND xã H, huyện H, anh H và chị X đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị X về nhà anh chùng sống ngay, quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc, đến từ năm 2015 đến tháng 02/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn về làm kinh tế. Chị X mỗi lần cãi nhau lại bỏ về nhà ngoại ở, anh H và gia đình có đến gặp chị X và bố mẹ chị X để hòa giải tình cảm vợ chồng, chị X lại về vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến tháng 2/2024 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị X lại bỏ về nhà ngoại ở, từ đó đến đến nay hai vợ chồng ly thân, anh đã nhiều lần đến gọi chị X nhưng chị X không về.

Nay anh xác định tình cảm của anh vẫn còn đối với chị X, anh vẫn mong muốn chị X về đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con. Chị X yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

- Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015. Hiện nay hai cháu lúc ở nhà ngoại lúc ở nhà với anh vì hai gia đình nội ngoại cách nhau 400m đến 500m.

Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân

sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Phạm Văn H.
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015. Giao anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị Nguyễn Thị X, anh Phạm Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị X, anh H thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Văn H có nơi cư trú tại xã H, huyện H được Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do chị X có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn H có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị X, anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị X và anh H ly thân từ tháng 2/2024, chị X xác định không còn tình cảm với anh H, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị X.

Qua lời khai của hai bên đều xác định vợ chồng ly thân từ tháng 2/2024 đến nay. Anh H xác định vẫn còn tình cảm, tuy nhiên kể từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay anh không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị X và anh H đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xác định tình cảm của anh vẫn còn và không đồng ý ly hôn để hai vợ chồng cùng nuôi dạy con, đây chỉ là lý do anh H viện ra để cố tình gây khó khăn cho chị X khi ly hôn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Phạm Văn H là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị X, anh H có 02 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015.

Tại đơn khởi kiện chị X đề nghị được nuôi cả hai con, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh T, để anh H trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh K, anh H đề nghị được nuôi cả hai con. Tuy nhiên theo lời khai của anh H, chị X đều xác định các cháu lúc thì ở với chị X, lúc thì ở với anh H. Hơn nữa gia đình anh H và chị X ở cùng thôn, cách nhau 400m – 500 m, để đảm bảo quyền nuôi con của hai bên.

Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho mỗi vợ chồng nuôi một con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy cần căn cứ các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015. Giao anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012.

Chị X, anh H được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở chị X, anh H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người đều trực tiếp nuôi một con chùng và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức, nhà ở, đất ở, ruộng canh tác: Chị X, anh H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí ly hôn sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh T, sinh ngày 05/5/2015. Giao anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh K, sinh ngày 15/11/2012.

Về cấp dương nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X, anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị X, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị X, anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003909 ngày 03/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Lâm;
- Lưu: HS+VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn